TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Bà Hồ Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Yến N, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ Y, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thành P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ X, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Yến N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh P tự tìm hiểu và được cha mẹ tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với gia đình anh P tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Anh chị sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, nợ nần, anh P không lo lắng cho gia đình, vợ con ..., từ đó vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm, hạnh phúc. Từ

tháng 8/2017, chị N và anh P đã ly thân cho đến nay, chị N không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/2014. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Thành P nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi cán bộ Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Yến N, giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa chị Trần Thị Yến N và anh Nguyễn Thành P là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2019, Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định: Nguyễn Thành P hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Trần Thị Yến N và anh Nguyễn Thành P có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 15/11/2012. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị N và anh P được đoàn tụ, nhưng chị N cương quyết ly hôn, anh P xác nhận có nhận được hồ sơ khởi kiện của chị N, vắng mặt tại các phiên họp và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, điều này chứng tỏ anh P cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị N, anh chị đã ly thân từ tháng 8/2017 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Yến N.

2.2 Về con chung: Chị N trình bày anh chị có một con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/2014. Từ khi chị N và anh P ly thân đến nay, cháu K sống ổn định với chị N, anh P không có ý kiến được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, để cho cuộc sống của cháu được ổn định, không bị xáo trộn nên theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Chị N và gia đình phải tạo điều kiện cho anh P trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật

Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Yến N.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Thành P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 15/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Trần Thị Yến N được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 25/02/2014. Anh Nguyễn Thành P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Yến N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014143 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Yến N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2019). Anh Nguyễn Thành P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao